

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 148/2022/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Diệu H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn bà Bùi Thị Diệu H và bị đơn ông Nguyễn Văn N.

II/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn N thống nhất thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

2) Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Diệu A, sinh ngày 09/10/2014.

Sau khi ly hôn, bà Bùi Thị Diệu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Nhật Th và Nguyễn Diệu A. Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 (*ba triệu*) đồng (mỗi con 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng được tính

từ tháng 12/2022 đến khi cháu Nguyễn Nhật Th và Nguyễn Diệu A đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Ông Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Về án phí: Bà Bùi Thị Diệu H tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Văn N, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007397 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Q.

Bà Bùi Thị Diệu H đã nộp đủ án phí.

III/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND phường C, TP H, tỉnh Q.
(Quyển số 13/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn